

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 16/01/2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Mạnh Cường** và ông **Phùng Văn Thị**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2019/TLST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo;

Họ và tên: **Bùi Văn C** - Sinh ngày 19 tháng 6 năm 1963 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Tên gọi khác; không

Nơi cư trú: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ học vấn; lớp 7/10

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nam. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông Bùi Văn Đ và bà Đàm Thị D (đều đã chết)

Có vợ là Nguyễn Thị D. Có 02 con; lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự; không

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 30/12/2019.

Bị cáo không bị tam giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2019. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị **Nguyễn Thị Hiền L**: Sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: Khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ 30 phút ngày 08/9/2019, tại nhà của Bùi Văn C thuộc khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, tổ công tác của Công an huyện Thanh Ba đã phối hợp với chính quyền địa phương xã Đ bắt quả tang Cao Đình M ở khu 7 xã Đ và Nguyễn Văn T ở khu 7, xã Đ, huyện Thanh Ba đang có hành vi mua số lô, số đề với Bùi Văn C. Tổ công tác đã lập biên bản vi phạm hành chính, thu giữ của C 04 cặp ghi các số lô, số đề có tổng số tiền là 5.560.000.đ và 6.920.000.đ cùng một số đồ vật tài liệu khác có liên quan.

Thu giữ của Nguyễn Văn T 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số: 19C1 - 160.94. Tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Văn C thu giữ 02 cặp đề có tổng số tiền là 115.000.đ, 01 tập giấy khổ A4 có ghi các chữ và số bằng (thơ đề), 01 điện thoại di động Xphone có lắp 02 sim số 0339.102.xxx và số 0866.563.xxx.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn C đã khai nhận như sau: Do có quen biết với Nguyễn Văn T ở khu 2, xã V, huyện Thanh Ba nên khoảng đầu tháng 9/2019, T đến nhà Bùi Văn C chơi và đặt vấn đề là C làm thư ký đề cho T để hưởng hoa hồng, do ham lời nên C đã đồng ý và thống nhất. Số lô, số đề bán được C chuyển bảng cho T với tỷ lệ số lô tính 22.000.đ/1 điểm lô; số đề được chiết khấu 20% trên tổng số tiền bán số đề. Nếu hôm nào số tiền bán số lô đề được ít thì C tự ôm làm chủ đề, không chuyển cho T. Ngày 08/9/2019, C đã bán các số lô cho Nguyễn Văn T ở xã Đ với số tiền 3.220.000.đ, Cao Đình M các số lô với số tiền 2.070.000.đ, Giang Văn K các số đề với số tiền 220.000.đ và Đình Văn C số đề có số tiền 50.000.đ (đều ở xã Đ). Khi bán số lô, số đề, C ghi các số lô, số đề vào một mảnh giấy nhỏ được xé từ vỏ hộp thuốc lá Du lịch, mảnh giấy có dòng kẻ hoặc mảnh giấy lịch gọi là cặp lô đề để làm căn cứ thanh toán thắng thua nhưng không đưa cặp lô đề cho người mua. Khi bán số lô, số đề, C chiết khấu cho người mua 10% trên tổng số tiền mua số đề, có người không chiết khấu; tính 23.000 đ/1 điểm lô. Lấy kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng vào hồi 18 giờ 15 phút hàng ngày để làm căn cứ trúng thưởng. Đối với số đề lấy hai số cuối hàng chục và hàng đơn vị của giải đặc biệt làm kết quả trúng thưởng, tỷ lệ gấp 70 lần. Đối với số lô là lấy hai số cuối hàng chục và hàng đơn vị của tất cả các giải thưởng, cứ 01 điểm lô 23.000.đ, nếu trúng thưởng sẽ được 80.000.đ. Sau khi bán số lô, số đề cho khách, C tổng hợp các số lô, số đề vào tin nhắn điện thoại di động nhãn hiệu Xphone, có số thuê bao 0866.563.xxx rồi chuyển cho Nguyễn Văn T theo số điện thoại 0393.634.xxx để hưởng phần trăm hoa hồng.

Ngày 08/9/2019, C bán số lô, số đề cho 4 người nêu trên được tổng số tiền là 5.560.000.đ, sau khi chiết khấu hoa hồng C đã thu được số tiền là 5.540.000.đ nhưng chưa kịp chuyển bảng cho T thì bị phát hiện thu giữ.

Ngày 07/9/2019, C bán số lô, số đề cho Giang Văn K được số tiền 55.000.đ và bán số lô, số đề cho một người không quen biết được số tiền 60.000.đ, C chiết khấu phần trăm hoa hồng cho khách 8.000.đ, C đã thu được số tiền là 107.000.đ. C khai đã

chuyển bảng cho T nhưng chưa thanh toán tiền. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc nhưng không có người nào trúng thưởng.

Ngày 06/9/2019, C bán số lô, số đề cho một người không quen biết được số tiền 56.000 đ. Do số tiền ít nên C không chuyển bảng cho T. Kết quả không có người trúng thưởng.

Quá trình điều tra, các đối tượng gồm: Giang Văn K, Đinh Văn C, Cao Đình M và Nguyễn Văn T đều thừa nhận đã mua số lô, số đề của Bùi Văn C đúng như C đã khai nhận như trên.

Riêng đối với Nguyễn Văn T không thừa nhận có hành vi nhận bảng số lô, số đề của Bùi Văn C. Kết quả điều tra cũng chưa đủ căn cứ để vì vậy Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-TB ngày 27/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự: Phạt Bùi Văn C từ **25.000.000.đ** đến **30.000.000.đ**.

+ Không phạt bổ sung bị cáo, ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, bị cáo Bùi Văn C thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không tự bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ và cho loại hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn C đã thừa nhận hành vi mua bán trái phép số lô, số đề của mình, các tài liệu chứng cứ của vụ án cũng đủ cơ sở để xác định: Do hám lợi nên bị cáo thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề để hưởng hoa hồng, cụ thể:

- Ngày 06/9/2019, tại nhà ở của mình thuộc khu 6, xã Đ, huyện T, Bùi Văn C đã bán số lô, số đề cho người không quen biết được tổng số tiền là 56.000.đ. Sau khi có kết quả nhưng không trúng thưởng. Như vậy số tiền bị cáo bán số lô, số đề và hưởng lợi ngày 06/9/2019 là 56.000.đ.

- Ngày 07/9/2019, vẫn tại nhà ở của mình, Bùi Văn C bán số lô, số đề cho Giang Văn K với số tiền 55.000.đ và bán cho người không quen biết với số tiền 60.000.đ. Số tiết chiết khấu hoa hồng cho người mua là 8.000.đ. Sau khi có kết quả mở thưởng nhưng không có người trúng thưởng. Như vậy, số tiền bị cáo C bán số lô, số đề ngày 07/9/2019 xác định là 115.000.đ. Số tiền thực tế bị cáo hưởng lợi là 107.000.đ.

- Ngày 08/9/20019, Bùi Văn C bán số lô, số đề cho Giang Văn K, Đinh Văn C, khi đang bán cho Nguyễn Văn T và Cao Đình M thì bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng. Tổng số tiền bị cáo đã bán số lô, số đề cho 04 đối tượng trên là 5.560.000.đ. Sau khi trừ hoa hồng, số tiền thực tế bị cáo đã nhận được là 5.540.000.đ.

Ngoài lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác gồm: Biên bản vi phạm hành chính; vật chứng thu giữ là tiền cùng các mảnh giấy có ghi các số lô, số đề (cáp đề) có chữ ký xác nhận của bị cáo và người có liên quan; điện thoại di động, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các đối tượng đã mua số lô, số đề của bị cáo, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu chứng cứ, vật chứng đều hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với các tình tiết sự kiện khác của vụ án và đều được thu thập theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi bán trái phép số lô, số đề ngày 08/9/2019 với số tiền 5.560.000.đ của Bùi Văn C đã cấu thành tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[2]. Mặc dù tội phạm mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, gây mất an ninh trật tự xã hội. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được cờ bạc là tệ nạn xã hội cần phải bị xoá bỏ, cờ bạc cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, mọi hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào đều là trái pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì hạm lợi bất chính, coi thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý phạm tội vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo.

[3]. Xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thực sự thành khẩn và hối hận về hành vi phạm tội của mình; bố đẻ bị cáo là người có công với Cách mạng, đây là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với hành vi bán trái phép số lô, số đề ngày 06 và ngày 07/9/2019 với số tiền 171.000.đ không đủ cấu thành tội “*Đánh bạc*” nên lần

phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” nhưng cũng là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử đã cân nhắc thấy rằng chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm và sẽ trở thành công dân tốt.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước, nhưng do đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không phạt bổ sung bị cáo.

[5]. Đối với Nguyễn Văn T, do chưa có đủ căn cứ để xác định có hành vi đánh bạc nên chưa đề cập xử lý trong vụ án này. Còn với Giang Văn K, Đinh Văn C, Cao Đình M và Nguyễn Văn T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề của Bùi Văn C nhưng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000.đ, nhân thân không có tiền án, tiền sự về tội “*Đánh bạc*” hoặc tội “*Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc*” nên Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật vì vậy không xem xét xử lý trong vụ án này.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với vật chứng là 06 mảnh giấy, 15 tờ giấy khổ A4 có ghi các chữ và số tự nhiên đều có chữ ký xác nhận của Bùi Văn C hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án. Đây là những tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu để tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án;

- Đối với 03 chiếc bút bi nhãn hiệu Thiên Long gồm mực màu đen, mực màu xanh, mực màu đỏ bị cáo sử dụng để ghi các số lô, số đề. Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Bùi Văn C thì có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone gắn 02 sim số 0339102xxx và 0866563xxx đã sử dụng để liên lạc mua bán trái phép số lô, số đề nên phải tịch thu để bán nộp ngân sách Nhà nước. Chiếc điện thoại di động còn lại xét không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

- Đối với số tiền 6.920.000.đ thu giữ của bị cáo Bùi Văn C thì có 5.540.000.đ là tiền bị cáo đã thu được từ việc bán trái phép số lô, số đề ngày 08/9/2019 nên phải tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại là 1.380.000.đ là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên trả lại nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

- Về số tiền thực tế bị cáo đã nhận được từ việc bán số lô, số đề ngày 06 và ngày 07/9/2019 là 163.000.đ. Đây là tiền do phạm tội mà có vì vậy phải tiếp tục tịch thu của bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Ba đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hiền L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave &, màu sơn

Đen Bạc (đã cũ), biển số 19C1 - 160.xx. Xét đây tài sản hợp pháp của chị L, không liên quan đến tội phạm nên việc trả lại tài sản của Cơ quan điều tra là đúng pháp luật;

[7]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn C phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Căn cứ vào diễn biến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra đều phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án, phù hợp với diễn biến tại phiên tòa và có đủ cơ sở để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự: Phạt **Bùi Văn C 30.000.000.đ** (ba mươi triệu đồng) về tội “*Đánh bạc*” để nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu 03 chiếc bút bi nhãn hiệu Thiên Long (đã cũ) gồm mực màu xanh, màu đen, màu đỏ (thu giữ tại nhà của Bùi Văn C) để tiêu hủy;

+ Tịch thu của bị cáo Bùi Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen (đã cũ), số Imel 1; 355608074285058, số Imel 2; 355608074285066 có gắn 02 sim số 0339102xxx và 0866563xxx để bán nộp ngân sách Nhà nước cùng với số tiền **5.540.000.đ.đ** (năm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước;

+ Trả lại cho bị cáo Bùi Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh (đã cũ), số Imel 1; 357186108519659, số Imel 2; 357187108519657 và số tiền **1.380.000.đ** (một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

(Toàn bộ số tiền cùng những vật chứng, tài sản trên hiện đang bị tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba và có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Ba với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba có lưu trong hồ sơ vụ án).

+ Tịch thu 06 mảnh giấy kích thước khác nhau và 15 tờ giấy khổ A4 đều có ghi các chữ và số tự nhiên (có chữ ký xác nhận của bị cáo Bùi Văn C) hiện đang lưu trong hồ sơ để tiếp tục lưu hồ sơ vụ án;

+ Tịch thu của bị cáo Bùi Văn C số tiền **163.000.đ** (một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước;

+ Xác nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Ba đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hiền L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave &, màu sơn Đen Bạc (đã cũ), biển số 19C1 - 160.xx (*Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/10/2019 có lưu trong hồ sơ vụ án*).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Bị cáo Bùi Văn C phải nộp **200.000.đ** (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn